

Số: **133**/2024/NQ-HĐND

Yên Bái, ngày **10** tháng 12 năm 2024

**NGHỊ QUYẾT**

**Ban hành Quy định mức cấp kinh phí, mức đầu tư, hỗ trợ đầu tư, mức khoán bảo vệ rừng và mức hỗ trợ tiền ăn cho người được điều động, huy động trực tiếp chữa cháy rừng và phục vụ chữa cháy rừng trên địa bàn tỉnh Yên Bái**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI  
KHÓA XIX - KỲ HỌP THỨ 21**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ;*

*Căn cứ Nghị định số 58/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ về một số chính sách đầu tư trong lâm nghiệp;*

*Xét Tờ trình số 193/TTr-UBND ngày 04 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về đề nghị ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức cấp kinh phí, mức đầu tư, hỗ trợ đầu tư, mức khoán bảo vệ rừng và mức hỗ trợ tiền ăn cho người được điều động, huy động trực tiếp chữa cháy rừng và phục vụ chữa cháy rừng trên địa bàn tỉnh Yên Bái; Báo cáo thẩm tra số 276/BC-BKTNS ngày 08 tháng 12 năm 2024 của Ban Kinh tế - Ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

## QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định mức cấp kinh phí, mức đầu tư, hỗ trợ đầu tư, mức khoán bảo vệ rừng và mức hỗ trợ tiền ăn cho người được điều động, huy động trực tiếp chữa cháy rừng và phục vụ chữa cháy rừng trên địa bàn tỉnh Yên Bái.

### Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

### Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết số 53/2023/NQ-HĐND ngày 05/10/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái quy định mức hỗ trợ cụ thể trồng rừng sản xuất; khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng rừng bổ sung; trợ cấp gạo bảo vệ và phát triển rừng thuộc Tiểu dự án 1 của Dự án 3 - Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Yên Bái hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

2. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái Khoá XIX - kỳ họp thứ 21 thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày 20 tháng 12 năm 2024./.

Nơi nhận: *th*

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Vụ pháp chế - Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Các ban của HĐND tỉnh;
- HĐND các huyện, thị xã, thành phố;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



*Tạ Văn Long*  
Tạ Văn Long



## QUY ĐỊNH

**Mức cấp kinh phí, mức đầu tư, hỗ trợ đầu tư, mức khoán bảo vệ rừng và mức hỗ trợ tiền ăn cho người được điều động, huy động trực tiếp chữa cháy rừng và phục vụ chữa cháy rừng trên địa bàn tỉnh Yên Bái**

(Kèm theo Nghị quyết số **133**/2024/NQ-HĐND ngày **10** tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái)

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Nghị quyết này quy định mức cấp kinh phí, mức đầu tư, hỗ trợ đầu tư, mức khoán bảo vệ rừng và mức hỗ trợ tiền ăn cho người được điều động, huy động trực tiếp chữa cháy rừng và phục vụ chữa cháy rừng từ ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Yên Bái theo quy định tại các Điều 5, 6, 7, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 19, 20, 21, 22, 23 Nghị định số 58/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ về một số chính sách đầu tư trong lâm nghiệp (sau đây gọi tắt là Nghị định số 58/2024/NĐ-CP).

2. Các nội dung khác không quy định tại Nghị quyết này thực hiện theo quy định của Nghị định số 58/2024/NĐ-CP và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Cơ quan nhà nước, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư có liên quan đến hoạt động bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn tỉnh Yên Bái.

### **Điều 3. Nguồn vốn thực hiện**

1. Nguồn ngân sách Trung ương.
2. Nguồn ngân sách địa phương.
3. Các nguồn vốn hợp pháp khác.

### **Điều 4. Cấp kinh phí bảo vệ rừng đặc dụng**

Ban quản lý rừng đặc dụng được Nhà nước cấp kinh phí bảo vệ rừng trên tổng diện tích rừng đặc dụng được giao, ngoài kinh phí sự nghiệp thường xuyên cho các hoạt động của bộ máy Ban quản lý rừng được cấp kinh phí là 150.000 đồng/ha/năm, đối với các xã khu vực II, III là 180.000 đồng/ha/năm.

**Điều 5. Cấp kinh phí khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung thuộc quy hoạch rừng đặc dụng**

Ban quản lý rừng đặc dụng thực hiện khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung thuộc quy hoạch rừng đặc dụng được cấp kinh phí như sau:

1. Kinh phí khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên là 1.000.000 đồng/ha/năm trong thời gian 6 năm.

2. Kinh phí khoanh nuôi xúc tiến tái sinh có trồng bổ sung là 2.000.000 đồng/ha/năm trong 3 năm đầu, 1.000.000 đồng/ha/năm cho 3 năm tiếp theo.

**Điều 6. Đầu tư trồng rừng, nuôi dưỡng rừng tự nhiên, làm giàu rừng đặc dụng**

Ban quản lý rừng đặc dụng thực hiện trồng rừng, nuôi dưỡng rừng tự nhiên, làm giàu rừng đặc dụng được đầu tư theo định mức kinh tế kỹ thuật, thiết kế, dự toán công trình lâm sinh được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

**Điều 7. Cấp kinh phí bảo vệ rừng phòng hộ**

Ban quản lý rừng phòng hộ; Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư; Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã) đang quản lý diện tích rừng chưa giao, chưa cho thuê; Đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân được giao rừng (sau đây gọi là Đơn vị vũ trang); Tổ chức khoa học và công nghệ, đào tạo, giáo dục nghề nghiệp về lâm nghiệp được cấp kinh phí bảo vệ rừng phòng hộ cụ thể như sau:

1. Ban quản lý rừng phòng hộ được Nhà nước cấp kinh phí bảo vệ rừng trên tổng diện tích rừng phòng hộ được giao, ngoài kinh phí sự nghiệp thường xuyên cho các hoạt động của bộ máy ban quản lý rừng là 500.000 đồng/ha/năm, đối với các xã khu vực II, III là 600.000 đồng/ha/năm.

2. Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư; Đơn vị vũ trang; Tổ chức khoa học và công nghệ, đào tạo, giáo dục nghề nghiệp về lâm nghiệp được Nhà nước cấp kinh phí bảo vệ rừng trên tổng diện tích rừng phòng hộ được giao là 500.000 đồng/ha/năm, đối với các xã khu vực II, III là 600.000 đồng/ha/năm.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã đang quản lý diện tích rừng chưa giao, chưa cho thuê được Nhà nước cấp kinh phí bảo vệ rừng trên tổng diện tích rừng phòng hộ được giao là 150.000 đồng/ha/năm, đối với các xã khu vực II, III là 180.000 đồng/ha/năm.

**Điều 8. Cấp kinh phí khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung thuộc quy hoạch rừng phòng hộ**

Chủ rừng là tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thực hiện khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung thuộc quy hoạch rừng phòng hộ được cấp kinh phí thực hiện theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 5 Nghị quyết này.

**Điều 9. Đầu tư trồng rừng, nuôi dưỡng rừng tự nhiên, làm giàu rừng phòng hộ**

Chủ rừng là tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thực hiện trồng rừng, nuôi dưỡng rừng tự nhiên, làm giàu rừng phòng hộ được đầu tư theo định mức kinh tế kỹ thuật, thiết kế, dự toán công trình lâm sinh được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

**Điều 10. Hỗ trợ kinh phí bảo vệ rừng sản xuất là rừng tự nhiên trong thời gian đóng cửa rừng**

Ban quản lý rừng phòng hộ; Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư; Ủy ban nhân dân cấp xã đang quản lý diện tích rừng chưa giao, chưa cho thuê; Tổ chức kinh tế bao gồm doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và tổ chức kinh tế khác được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật (sau đây gọi chung là Tổ chức kinh tế); Đơn vị vũ trang được hỗ trợ kinh phí bảo vệ rừng sản xuất là rừng tự nhiên trong thời gian đóng cửa rừng cụ thể như sau:

1. Ban quản lý rừng phòng hộ; Ủy ban nhân dân cấp xã đang quản lý diện tích rừng chưa giao, chưa cho thuê được Nhà nước cấp kinh phí bảo vệ rừng trên tổng diện tích rừng sản xuất là rừng tự nhiên được giao là 150.000 đồng/ha/năm, đối với các xã khu vực II, III là 180.000 đồng/ha/năm.

2. Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư; Tổ chức kinh tế; Đơn vị vũ trang được Nhà nước cấp kinh phí bảo vệ rừng trên tổng diện tích rừng sản xuất là rừng tự nhiên được giao là 500.000 đồng/ha/năm, đối với các xã khu vực II, III là 600.000 đồng/ha/năm.

**Điều 11. Hỗ trợ khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung thuộc quy hoạch rừng sản xuất là rừng tự nhiên**

Chủ rừng là tổ chức, hộ gia đình người dân tộc Kinh thuộc diện hộ nghèo, hộ gia đình đồng bào dân tộc thiểu số, cá nhân, cộng đồng dân cư đang sinh sống ổn định tại các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo quy định của Thủ tướng Chính phủ thực hiện khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung thuộc quy hoạch rừng sản xuất là rừng tự nhiên được hỗ trợ 8.000.000 đồng/ha.

### **Điều 12. Hỗ trợ đầu tư trồng rừng sản xuất và phát triển lâm sản ngoài gỗ**

Chủ rừng là hộ gia đình người dân tộc Kinh thuộc diện hộ nghèo, hộ gia đình đồng bào dân tộc thiểu số, cộng đồng dân cư đang sinh sống ổn định tại các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo quy định của Thủ tướng Chính phủ thực hiện trồng rừng sản xuất, trồng cây lâm sản ngoài gỗ trên diện tích được giao, được cho thuê thuộc quy hoạch đất rừng sản xuất được hỗ trợ một lần 15.000.000 đồng/ha/chu kỳ để mua cây giống, vật tư, phân bón đối với trồng cây lấy gỗ, cây lâm sản ngoài gỗ theo chu kỳ kinh doanh của loài cây trồng.

### **Điều 13. Hỗ trợ tín dụng đầu tư trồng rừng gỗ lớn**

Chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân được hỗ trợ tín dụng đầu tư trồng rừng gỗ lớn bằng mức chênh lệch lãi suất vay thương mại so với lãi suất vay tín dụng đầu tư của Nhà nước, tối đa không vượt quá 2,4%/năm.

### **Điều 14. Hỗ trợ kinh phí xây dựng phương án quản lý rừng bền vững và cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững**

Chủ rừng có rừng trồng sản xuất, trừ chủ rừng là doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được hỗ trợ một lần xây dựng phương án quản lý rừng bền vững và cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững là 400.000 đồng/ha.

### **Điều 15. Khoán bảo vệ rừng**

Ban quản lý rừng đặc dụng, Ban quản lý rừng phòng hộ thực hiện khoán bảo vệ rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất là rừng tự nhiên với mức kinh phí khoán là 500.000 đồng/ha/năm, đối với các xã khu vực II, III là 600.000 đồng/ha/năm.

### **Điều 16. Trợ cấp gạo bảo vệ và phát triển rừng**

Hộ gia đình nghèo, hộ gia đình đồng bào dân tộc thiểu số tại các xã khu vực II, III thực hiện bảo vệ rừng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh có trồng bổ sung, trồng rừng phòng hộ, trồng rừng sản xuất và phát triển lâm sản ngoài gỗ, trồng rừng để thay đổi tập quán du canh du cư, thực hiện trồng rừng thay thế nương rẫy trong thời gian chưa tự túc được lương thực được trợ cấp 15 kg gạo/khẩu/tháng hoặc bằng tiền tương ứng với giá trị 15 kg gạo/khẩu/tháng tại thời điểm trợ cấp.

### **Điều 17. Hỗ trợ đầu tư cơ sở sản xuất giống cây trồng lâm nghiệp**

Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đầu tư sản xuất giống cây trồng lâm nghiệp được hỗ trợ cụ thể như sau:

1. Hỗ trợ 50% tổng mức đầu tư đối với một dự án hoặc công trình về xây dựng rừng giống, vườn giống, vườn cây lâm nghiệp đầu dòng, tối đa 55.000.000 đồng/ha đối với xây dựng rừng giống trồng mới có diện tích từ 2,0 ha trở lên, vườn giống trồng mới có diện tích từ 1,0 ha trở lên; tối đa 25.000.000 đồng/ha đối với xây dựng rừng giống chuyển hóa có diện tích từ 1,0 ha trở lên, vườn cây lâm nghiệp đầu dòng có diện tích từ 500 m<sup>2</sup> trở lên.

2. Hỗ trợ 50% tổng mức đầu tư đối với một dự án hoặc công trình về xây dựng trung tâm sản xuất giống cây rừng chất lượng cao, tối đa 5.000.000.000 đồng đối với một dự án hoặc công trình có quy mô sản xuất tối thiểu 1.000.000 cây/năm.

3. Hỗ trợ 50% tổng mức đầu tư đối với một dự án hoặc công trình về xây dựng vườn ươm giống, tối đa 300.000.000 đồng đối với một dự án hoặc công trình xây dựng mới vườn ươm giống cây lâm nghiệp bằng phương pháp nuôi cấy mô với diện tích đất xây dựng vườn ươm tối thiểu 0,5 ha.

### **Điều 18. Hỗ trợ trồng cây phân tán**

Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư tham gia trồng cây phân tán được hỗ trợ 15.000.000 đồng/ha trồng cây phân tán (quy đổi 1.000 cây/ha), trong đó: 93% kinh phí hỗ trợ mua cây giống, phân bón và chi phí một phần nhân công trồng, chăm sóc; 7% kinh phí hỗ trợ tổ chức các hoạt động quản lý, kiểm tra, giám sát thực hiện trồng cây phân tán.

### **Điều 19. Hỗ trợ tiền ăn cho người được điều động, huy động trực tiếp chữa cháy rừng và phục vụ chữa cháy rừng**

Hỗ trợ tiền ăn bằng 50.000 đồng/suất ăn cho các lực lượng và những người tham gia chữa cháy rừng (bao gồm cả người hưởng lương và không hưởng lương từ ngân sách nhà nước) theo lệnh điều động, huy động của người có thẩm quyền.

### **Điều 20. Quy định chuyển tiếp**

Đối với chương trình, dự án, hoạt động đầu tư được xây dựng theo các văn bản pháp luật hiện hành đã nộp hồ sơ nhưng chưa được phê duyệt hoặc đã được phê duyệt trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì được tiếp tục thực hiện theo chương trình, dự án đã được phê duyệt, mức đầu tư, hỗ trợ đầu tư thực hiện theo quy định tại Nghị quyết này./.